

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/ST-HNGĐ
Ngày 11 tháng 02 năm 2026
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hào và bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 11/02/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị A** – Sinh ngày: 10/02/1990

Số CCCD: 040190026017

Trú tại: Thôn H, xã T, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh **Ngũ Văn Q** – Sinh ngày: 01/9/1990

Số CCCD: 040090027218

Trú tại: Thôn H, xã T, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Bà Trần Thị H – Sinh năm: 1956 (Mẹ đẻ của anh Ngũ Văn Q) - Trú tại: Thôn H, xã T, tỉnh Nghệ An — Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị A vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị A trình bày:

Chị Lê Thị A và anh Ngũ Văn Q kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 con, đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngũ Duy M sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015. Nay ly hôn chị A đồng ý để con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01con/01tháng.

Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn anh Ngũ Văn Q vắng mặt, tuy nhiên thông qua người làm chứng là bà Trần Thị H, anh Q có ý kiến như sau:*

Anh Ngũ Văn Q và chị Lê Thị A kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn đã sinh được 02 con chung, sau đó vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị A đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị Lê Thị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Ngũ Văn Q cũng đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung: Có 02 người con chung là Ngũ Duy M sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015. Nay ly hôn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con và đồng ý để chị A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01con/01tháng; Về tài sản chung và nợ: Anh Ngũ Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh Q đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, người làm chứng bà Trần Thị H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoa đã khai:*

Bà Trần Thị H là mẹ anh Ngũ Văn Q, chị Lê Thị A là con dâu của bà. Anh Ngũ Văn Q và chị Lê Thị A kết hôn với nhau vào năm 2004. Sau khi kết hôn thì sinh được 02 con chung, sau đó có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2017 cho đến nay. Anh Q đã nhận được các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ do Tòa án giao và có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị A và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Q. Về con chung: Có 02 người con chung là Ngũ Duy M sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015. Nay ly hôn anh Q muốn trực tiếp nuôi các con và đồng ý chị A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01con/01tháng. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Ngũ Duy M và Ngũ Duy K trình bày: Bố cháu là Ngũ Văn Q, mẹ cháu là Lê Thị A. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố cháu là Ngũ Văn Q.*

- *Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và

có đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Ngũ Văn Q; Về con chung: Giao con chung là Ngũ Duy M, sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015 cho anh Ngũ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01tháng/01con (3.000.000 đồng/01tháng/02 con); Về án phí: Chị Lê Thị A phải nộp án phí ly hôn và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị A và anh Ngũ Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 con thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị A.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị A và anh Q đã sống ly thân nhiều năm, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị A và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh Q là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị A.

[2.2] *Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Vợ chồng chị Lê Thị A và anh Ngũ Văn Q có 02 con chung là Ngũ Duy M sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015. Nay ly hôn chị Lê Thị A và anh Ngũ Văn Q có ý kiến đồng ý để cho anh Ngũ Văn Q nuôi cả 02 con và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01tháng/01con (3.000.000 đồng/01tháng/02con). Vì vậy, cần giao cháu Ngũ Duy M sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015 cho anh Ngũ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01tháng/01con (3.000.000 đồng/01 tháng/02 con).

[2.3] *Về tài sản chung và nợ:* Chị Lê Thị A và anh Ngũ Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về án phí:* Chị Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Lê Thị A được ly hôn với anh Ngũ Văn Q

* **Về nuôi con chung:** Giao con Ngũ Duy M sinh ngày 10/9/2012 và Ngũ Duy K sinh ngày 18/10/2015 cho anh Ngũ Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 02 con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Lê Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01tháng/01con (3.000.000 đồng/01tháng/02con), thi hành kể từ ngày 11/02/2026 đến khi 02 con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003108 ngày 24/11/2025 tại phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Nghệ An).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

